

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

TS. Trần Văn Biên

Viện Nhà nước và Pháp luật

Tác giả liên hệ: tranvanbien@yahoo.com

Ngày nhận: 07/3/2023

Ngày nhận bản sửa: 11/3/2023

Ngày duyệt đăng: 23/3/2023

Tóm tắt

Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề tổng quan về hợp đồng thương mại vô hiệu, phân tích và đánh giá các điểm còn bất cập, hạn chế, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng thương mại vô hiệu.

Từ khóa: Hợp đồng thương mại, hợp đồng thương mại vô hiệu, pháp luật về hợp đồng thương mại.

Invalid Commercial Contracts under the Legislation of Vietnam

Dr. Tran Van Bien

Institute of State and Law

Corresponding author: tranvanbien@yahoo.com

Abstract

The article focuses on clarifying some general issues about invalid commercial contracts, analyzing and evaluating inadequacies and limitations, thereby proposing some solutions to improve the provisions of the Vietnamese laws on invalid commercial contracts.

Keywords: Commercial contracts, invalid commercial contracts, laws on commercial contracts.

1. Khái quát về hợp đồng thương mại vô hiệu

Hợp đồng thương mại

Bộ luật Dân sự năm 2015 là luật chung điều chỉnh các quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực tư. Điều 385 định nghĩa: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 được hiểu theo nghĩa rộng bao hàm tất cả các lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động. Luật Thương mại năm 2005 là luật chuyên ngành không đưa ra định nghĩa về hợp

đồng thương mại. Tuy nhiên, hợp đồng nói chung hay hợp đồng thương mại nói riêng thì đều thể hiện bản chất là sự thỏa thuận của các bên trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ về mặt pháp lý của các bên trong quan hệ hợp đồng. Bên cạnh đó, hợp đồng thương mại cũng có những đặc điểm riêng để phân biệt với hợp đồng dân sự. Đó là các đặc điểm về chủ thể, mục đích hợp đồng. Theo quy định của Luật Thương mại hiện hành, điều kiện về mặt chủ thể trong quan hệ hợp đồng thương mại là ít nhất một bên tham gia phải là thương nhân¹, khác biệt

¹Theo khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại năm 2005: “Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”.

với chủ thể quan hệ hợp đồng dân sự rộng hơn có thể là cá nhân, pháp nhân. Hợp đồng thương mại gắn liền với hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi, còn hợp đồng trong lĩnh vực dân sự thì không nhất thiết phải gắn liền với mục đích này. Từ các phân tích trên, có thể đưa ra định nghĩa về hợp đồng thương mại như sau: *Hợp đồng thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên (trong đó, ít nhất một bên là thương nhân) về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ trong hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi.*

Hợp đồng thương mại vô hiệu

Hiện nay, Luật Thương mại năm 2005 cũng không có quy định cụ thể về khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu và về các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại. Do đó, các vấn đề pháp lý liên quan đến xác định hợp đồng thương mại có hiệu lực hay không sẽ căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự. Theo khoản 1 Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu từ Điều 123 đến Điều 133 của Bộ luật này cũng được áp dụng đối với hợp đồng vô hiệu”. Như vậy, nếu hợp đồng rơi vào các trường hợp được quy định từ Điều 123 đến Điều 133 thì sẽ bị vô hiệu (có thể vô hiệu toàn bộ hoặc vô hiệu một phần). Để xác định hợp đồng thương mại vô hiệu thì căn cứ vào 4 điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015². Cụ thể:

Một là, năng lực chủ thể của các bên khi tham gia vào quan hệ hợp đồng thương mại. Chủ thể của hợp đồng thương mại chủ yếu được thiết lập giữa các thương nhân với nhau. Ngoài thương nhân ra, còn có các tổ chức, cá nhân có thể tham gia vào quan hệ hợp đồng thương mại. Tuy nhiên, để xác định đây là một hợp đồng thương mại thì điều kiện về chủ thể phải có ít nhất

một bên là thương nhân. Theo đó, để là thương nhân thì các chủ thể phải có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, đối với thương nhân là tổ chức kinh tế, thì việc giao kết hợp đồng phải được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền³. Như vậy, đối với yêu cầu về chủ thể để hợp đồng thương mại có hiệu lực thì phải có ít nhất một bên là thương nhân và chủ thể tham gia hợp đồng phải có thẩm quyền ký kết hợp đồng.

Hai là, hợp đồng thương mại phải được giao kết trên nguyên tắc tự nguyện. Đây là nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong giao kết hợp đồng, theo đó, bản chất của hợp đồng đề cao sự tự do ý chí của các bên, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng. Nguyên tắc cơ bản này cũng được quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015, từ đó, cho thấy được tầm quan trọng của sự tự nguyện trong giao kết hợp đồng. Do đó, mọi trường hợp giao kết hợp đồng thương mại trên cơ sở giả tạo, lừa dối, đe dọa nhằm trục lợi đều được xác định là hợp đồng vô hiệu.

Ba là, mục đích và nội dung của hợp đồng thương mại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng (Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Bốn là, hình thức của hợp đồng thương mại là điều kiện có hiệu lực trong trường hợp luật có quy định. Hợp đồng thương mại có thể được thể hiện bằng lời nói, văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng thương mại mà luật quy định phải được thành lập văn

²Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

³Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2019), Giáo trình Pháp luật về Thương mại hàng hóa và dịch vụ, Phan Huy Hồng, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr. 94.

bản thì phải tuân theo quy định đó. Như vậy, trong trường hợp luật có quy định hợp đồng thương mại phải được giao kết bằng một hình thức nhất định thì các bên phải tuân theo, nếu không thì hợp đồng sẽ bị vô hiệu. Tuy nhiên, trong một số trường hợp mặc dù giao dịch đó vi phạm về hình thức của hợp đồng nhưng vẫn không bị vô hiệu, gồm: (i) Giao dịch xác lập bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch; (ii) Giao dịch được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch⁴. Theo đó, nếu rơi vào một trong hai trường hợp trên thì Tòa án sẽ căn cứ theo yêu cầu của một bên hoặc các bên ra quyết định công nhận hiệu lực, ngoài ra đối với trường hợp (ii) thì các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực⁵.

Quy định của pháp luật về các trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu

Một hợp đồng thương mại nếu không thỏa mãn đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng như đã phân tích ở trên thì sẽ bị vô hiệu. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định cụ thể các trường hợp hợp đồng vô hiệu từ Điều 123 đến Điều 130. Theo đó, có thể chia các trường hợp này thành 2 nhóm là hợp đồng vô hiệu tuyệt đối và hợp đồng vô hiệu tương đối. Sự khác biệt giữa vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối thể hiện ở chỗ:

- Vô hiệu tuyệt đối là hợp đồng các bên giao kết và thực hiện xâm phạm đến lợi ích công cộng; chủ thể có thẩm quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu là bất kỳ ai, thậm chí Tòa án khi phát hiện hợp đồng xâm phạm tới lợi ích công cộng

cũng có quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không cần phải do các bên yêu cầu. Thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu tuyệt đối không bị hạn chế⁶. Hợp đồng thương mại vô hiệu tuyệt đối gồm: i) Hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội (Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015); ii) Hợp đồng vô hiệu do giả tạo (Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015).

- Vô hiệu tương đối là hợp đồng xâm phạm tới quyền và lợi ích của một bên hoặc các bên trong quan hệ mà không liên quan tới lợi ích công cộng hoặc lợi ích của bên thứ ba khác, vì vậy, chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chỉ có thể là một trong các bên tham gia hợp đồng có quyền lợi bị xâm phạm (hoặc thông qua đại diện của họ). Thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu tương đối là 02 năm kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập hoặc chủ thể xác lập hợp đồng, chủ thể đại diện cho chủ thể xác lập hợp đồng biết hoặc buộc phải biết được hợp đồng xác lập không có đủ điều kiện có hiệu lực⁷. Hợp đồng thương mại vô hiệu tương đối gồm: i) Hợp đồng vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện (Điều 125 Bộ luật Dân sự năm 2015); ii) Hợp đồng vô hiệu do bị nhầm lẫn (Điều 126 Bộ luật Dân sự năm 2015); iii) Hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015); iv) Hợp đồng vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015); v) Hợp đồng vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức (Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015).

2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam và một số bất cập

Trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng mở rộng hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp nước ta có nhiều cơ hội hơn trong việc giao kết các hợp đồng nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng với các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trên thực tế, các hợp đồng thương mại được ký kết giữa doanh nghiệp với đối tác còn nhiều thiếu sót, dẫn đến tình trạng hợp đồng bị tuyên vô hiệu, phát sinh các tranh chấp, kiện tụng và ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Theo tổng kết công tác năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao, trong tổng số 19.256 vụ việc thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại mà Tòa án thụ lý, giải quyết có đến 3.460 vụ việc tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa⁸. Thống kê của Trung tâm Trọng tài quốc tế (VIAC) cho thấy, vấn đề tranh chấp trong thương mại có xu hướng gia tăng qua các năm, trong đó, năm 2020, các vụ việc liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa chiếm đến 47%⁹. Các số liệu trên cho thấy thực trạng tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực thương mại và số lượng các hợp đồng thương mại bị tuyên vô hiệu là đáng kể. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ, chồng chéo. Điều này gây khó khăn cho các thương nhân khi tìm hiểu và tiếp cận các quy định pháp luật nhằm hạn chế tình trạng hợp đồng vô hiệu do sự thiếu hiểu biết pháp luật. Bên cạnh đó, các hạn chế trong quy định pháp luật còn gây lúng túng, khó khăn cho công tác xét xử của Tòa án khi áp dụng pháp luật để giải quyết

các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu thời gian qua cho thấy một số bất cập sau:

Một là, Luật Thương mại năm 2005 chưa đưa ra một khái niệm, định nghĩa hoàn chỉnh về hợp đồng thương mại vô hiệu. Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chỉ quy định định nghĩa về “hợp đồng vô hiệu”, nhưng định nghĩa này lại dẫn chiếu đến các trường hợp giao dịch bị xem là vô hiệu. Trong khi đó, hợp đồng trong lĩnh vực thương mại mang tính chất chuyên biệt, đặc thù so với hợp đồng dân sự theo nghĩa rộng. Các quy định về hợp đồng trong lĩnh vực dân sự không thực sự phù hợp để định nghĩa cho một lĩnh vực đặc thù như lĩnh vực thương mại. Do đó, dẫn đến việc các bên trong giao dịch hoặc cơ quan nhà nước khi xác định một hợp đồng thương mại còn chưa rõ ràng và chính xác.

Hai là, Luật Thương mại năm 2005 chưa có quy định riêng biệt về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại. Hiện nay, đối với việc xác định điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại thì sẽ căn cứ vào các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc quy định như vậy phần nào gây khó khăn cho các bên trong việc xác định các điều kiện để hợp đồng thương mại có hiệu lực. Bởi đối với điều kiện về năng lực chủ thể thì Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập”. Theo đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định chủ thể giao kết hợp đồng có thể là cá nhân, tổ chức có hoặc không có tư cách pháp nhân. Còn đối với hợp đồng thương mại, bắt buộc ít nhất

⁸Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao, <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND155594>, truy cập ngày 01/02/2023

⁹Trung tâm Trọng tài quốc tế (VIAC), “Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp năm 2020”, <https://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-hoat-dong-giai-quyet-tranh-chap-nam-2020-s36.html>, truy cập ngày 01/02/2023

⁴Điều 129 Bộ luật Dân sự 2015

⁵Như chú thích 3, tr. 99

⁶Khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015

⁷Khoản 1 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015

một bên trong hợp đồng phải là thương nhân. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Do đó, nếu áp dụng các quy định Bộ luật Dân sự để xác định năng lực chủ thể giao kết hợp đồng thương mại thì không phù hợp.

Ba là, khái niệm “Thương nhân” trong Luật Thương mại năm 2005 chưa thực sự hợp lý. Bởi một trong những điều kiện để trở thành thương nhân là đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, đối với những tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại nhưng không đăng ký kinh doanh hoặc kinh doanh ngành, nghề không giống với ngành, nghề trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì hiện nay, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã giải quyết vấn đề này. Theo đó, Luật Doanh nghiệp đã quy định theo hướng mở rộng hơn, pháp luật chỉ yêu cầu doanh nghiệp thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi về ngành, nghề kinh doanh so với nội dung Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh¹⁰. Tức là, phạm vi kinh doanh của doanh nghiệp được hiểu theo hướng mở rộng và năng lực pháp luật của doanh nghiệp không còn bị giới hạn bởi quy định về ngành, nghề kinh doanh¹¹. Do đó, các doanh nghiệp có quyền tự do đăng ký kinh doanh các ngành nghề và hợp đồng do doanh nghiệp giao kết nằm ngoài phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh không là căn cứ dẫn đến hợp đồng thương mại vô hiệu. Hơn nữa, hợp đồng thương mại yêu cầu ít nhất một bên trong quan hệ hợp đồng phải là thương nhân. Chính vì vậy, nếu một trong những điều kiện để trở thành thương nhân là có đăng ký kinh doanh thì không thực sự phù hợp.

Bốn là, hiện nay, các doanh nghiệp - một bên trong quan hệ hợp đồng thương mại chưa có sự hiểu biết và nắm rõ pháp luật. Với sự hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay, các hợp đồng thương mại được giao kết ngày càng tăng nhanh. Các hợp đồng thương mại luôn mang lại lợi nhuận cho các doanh nghiệp, nhưng song song đó, nó cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nếu không nắm vững các điều kiện giao kết hợp đồng thì rất dễ dẫn đến các tranh chấp, kiện tụng, thiệt hại cho các doanh nghiệp, nghiêm trọng hơn là dẫn đến doanh nghiệp phá sản. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp cũng phải có sự am hiểu các quy định của pháp luật để có thể hạn chế rủi ro khi giao kết các hợp đồng thương mại. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, các doanh nghiệp khi làm ăn với các đối tác nước ngoài còn khá chủ quan, thiếu kinh nghiệm trong quá trình ký kết hợp đồng, cũng như không nắm vững điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại dẫn đến nhiều rủi ro có thể xảy ra¹².

Năm là, thực tế hiện nay, các tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu là khá phức tạp và phát sinh ngày càng phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, các Tòa án hiện nay vẫn còn khá lúng túng và gặp khó khăn khi áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu. Điều đó gây mất thời gian cho các bên trong quan hệ hợp đồng thương mại và cho chính Tòa án. Ngoài ra, việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp thiệt hại rất lớn về tài sản, uy tín, thương hiệu của mình. Do đó, đòi hỏi các Thẩm phán phải có trình độ chuyên môn cao, nắm vững các kỹ năng cần thiết để bắt kịp với sự phát

¹⁰ Điều 31 Luật Doanh nghiệp năm 2020

¹¹ Như chú thích 3, tr. 97

¹² “Doanh nghiệp cần nâng cao khả năng “phòng vệ” khi ký kết hợp đồng thương mại”, <http://tbtagi.angiang.gov.vn/doanh-nghiep-can-nang-cao-kha-nang-phong-ve-khi-ky-ket-hop-dong-thuong-mai-11538.html>, truy cập ngày 01/02/2023

triển của các quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực thương mại, đồng thời, cũng phải áp dụng các quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu một cách phù hợp, chính xác để ra được các phán quyết công bằng, khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu

Nhằm khắc phục một số vấn đề còn hạn chế, bất cập như đã chỉ ra tại mục 2, để từ đó, hoàn thiện hơn các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, cần có một điều khoản định nghĩa hoàn chỉnh về khái niệm “*Hợp đồng thương mại vô hiệu*”. Việc quy định cụ thể về khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu sẽ góp phần giúp các chủ thể trong quan hệ hợp đồng, cũng như cơ quan nhà nước phân biệt hợp đồng thương mại với các loại hợp đồng khác một cách rõ ràng và chính xác. Từ đó, dễ dàng hơn trong việc áp dụng pháp luật để xác định hợp đồng thương mại vô hiệu, giúp đảm bảo được tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong quan hệ hợp đồng. Cũng như giúp cho việc xét xử của các cán bộ Tòa án được công bằng và hiệu quả hơn.

Thứ hai, cần có một quy định riêng về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại. Hiện nay, đối với các hợp đồng thương mại thì sẽ căn cứ vào quy định chung của Bộ luật Dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Tuy nhiên, các quy định của Bộ luật Dân sự dường như không phù hợp để áp dụng cho các hợp đồng thương mại. Chẳng hạn như về điều kiện năng lực chủ thể của hợp đồng thương mại đã phân tích ở trên. Do đó, khi áp dụng pháp luật để xác định điều

kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại, xem hợp đồng đó có bị vô hiệu hay không thì phải căn cứ cả Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự. Việc này làm cho các bên trong quan hệ hợp đồng khá lúng túng trong việc tìm hiểu và tuân theo pháp luật. Đồng thời, cũng gây khó khăn cho Tòa án trong việc xem xét và áp dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng thương mại vô hiệu. Chính vì vậy, cần có một quy định cụ thể, rõ ràng hơn trong Luật Thương mại để giải quyết hiệu quả vấn đề này.

Ba là, cần thay đổi khái niệm “*Thương nhân*” trong Luật Thương mại cho phù hợp với tình hình hiện nay. Hiện nay, khái niệm về thương nhân được quy định trong Luật Thương mại bắt buộc phải thỏa mãn điều kiện về đăng ký kinh doanh thì mới là thương nhân. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp hiện hành đã có những quy định theo hướng mở rộng hơn là các tổ chức, cá nhân kinh doanh những ngành nghề chưa đăng ký kinh doanh thì chỉ cần thông báo về ngành, nghề kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Do đó, nếu một doanh nghiệp giao kết hợp đồng nằm ngoài phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh thì chỉ cần thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh và vẫn được xác định là thương nhân. Hơn nữa, nếu doanh nghiệp đó không thông báo thì cũng không có căn cứ dẫn đến hợp đồng thương mại vô hiệu mà chỉ bị xử phạt hành chính về hành vi không thông báo của mình¹³. Vì vậy, việc Luật Thương mại định nghĩa về khái niệm thương nhân với điều kiện bắt buộc là đăng ký kinh doanh là không chính xác và không còn phù hợp với các quy định của pháp luật doanh nghiệp. Đồng thời, việc quy định như vậy gây khó khăn cho các bên trong khi giao kết các hợp đồng thương mại và ảnh hưởng đến việc áp dụng pháp luật của

¹³ Như chú thích 3, tr. 97

Tòa án khi xem xét các hợp đồng thương mại vô hiệu. Chính vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung, thay đổi khái niệm “Thương nhân” cho phù hợp với tình hình phát triển của xã hội và tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Bốn là, cần tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các quy định khi ký kết các hợp đồng thương mại. Hiện nay, tình trạng các doanh nghiệp giao kết các hợp đồng thương mại không thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, dẫn đến hợp đồng vô hiệu chiếm số lượng không nhỏ. Việc này dẫn đến thiệt hại về tài sản, cũng như uy tín, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Do đó, cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, diễn đàn, các khóa học tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu cho các doanh nghiệp. Để các doanh nghiệp có thể nắm rõ pháp luật và tự tin khi giao kết các hợp đồng thương mại với đối tác của mình, góp phần hạn chế bớt rủi ro pháp lý tiềm tàng, nâng cao khả năng giao kết hợp đồng thương mại thành công.

Tài liệu tham khảo

Bộ luật Dân sự năm 2015.

Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Luật Thương mại năm 2005.

Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Pháp luật về Thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

Trường Đại học Luật Hà Nội, Kỷ yếu hội thảo “*Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu*”, năm 2022.

Năm là, đào tạo, nâng cao chuyên môn, năng lực cho đội ngũ cán bộ Tòa án. Các cán bộ Tòa án, đặc biệt là thẩm phán đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu. Đối với lĩnh vực thương mại, đây là một lĩnh vực hết sức đa dạng và luôn phát sinh rất nhiều vấn đề phức tạp, đòi hỏi Thẩm phán phải có trình độ, chuyên môn cao, kinh nghiệm xét xử phong phú để kịp thời nắm bắt và áp dụng hiệu quả pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu. Có như vậy thì mới đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong quan hệ hợp đồng thương mại, tạo lòng tin cho người dân và doanh nghiệp đối với hệ thống xét xử của Nhà nước. Do đó, cần tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ Tòa án, đặc biệt là thẩm phán. Bên cạnh đó, nên mở các buổi giao lưu, tọa đàm, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giữa các thẩm phán, luật sư, chuyên gia với nhau để nâng cao kinh nghiệm xét xử và hiệu quả áp dụng pháp luật cho đội ngũ Thẩm phán của Tòa án.